

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT  
TỈNH ĐIỆN BIÊN  
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 302 /QBVR- BDH

Điện Biên, ngày 31 tháng 8 năm 2022

V/v bổ sung danh sách chủ rừng đủ điều  
kiện chi trả tiền DVMTR trên địa bàn  
huyện Mường Chà

Kính gửi: Phòng giao dịch NHCSXH huyện Mường Chà.

Căn cứ Quy chế phối hợp ngày 30/5/2019 giữa Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Điện Biên về việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng qua hệ thống tài khoản ngân hàng;

Căn cứ Thông báo số: 146/TB-QBVR ngày 07/5/2021, của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên về thanh toán tiền DVMTR năm 2017 - 2020 cho các chủ rừng trên địa bàn huyện Mường Chà;

Căn cứ Thông báo số: 145/TB-QBVR ngày 05/5/2022, của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên về thanh toán tiền DVMTR năm 2021 cho các chủ rừng trên địa bàn huyện Mường Chà.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thông báo bổ sung danh sách chủ rừng đủ điều kiện chi trả tiền DVMTR năm 2017 - 2021 cho chủ rừng trên địa bàn huyện Mường Chà như sau:

- Tổng số tiền được chi trả năm 2017-2021: 541.819.894 đồng.
- Chủ rừng là cộng đồng: 02 chủ rừng.

(Có danh sách chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng, kèm theo)

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng đề nghị Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Chà chủ động xây dựng thông báo, kế hoạch chi trả tiền DVMTR cho các chủ rừng, trên địa bàn các xã thuộc huyện Mường Chà./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND huyện Mường Chà (b/c);
- Hạt Kiểm lâm huyện;
- UBND xã Sá Tổng;
- Lưu: VT, KH-KT.

**GIÁM ĐỐC**



**Đặng Thị Thu Hiền**

**TỔNG TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHI TRẢ NĂM 2017 - 2021  
CHO CÁC CHỦ RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ SÁ TÔNG, HUYỆN MUỜNG CHÀ**

(Kèm theo Công văn số 302/ CV-QĐ/R ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng)

STT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Tổng số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng lần 1+2 (đồng)	Số tiền còn lại được thanh toán (đồng)
<b>A</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>590,33</b>	<b>590,330</b>	<b>329.268.049</b>	<b>188.488.000</b>	<b>140.780.049</b>
<b>I</b>	<b>Lưu vực Sông Đà</b>	<b>590,33</b>	<b>590,33</b>	<b>314.402.084</b>	<b>188.488.000</b>	<b>125.914.084</b>
1	Bản Sá Ninh (Háng Lia + Sá Ninh cũ)	119,11	119,110	63.436.438		63.436.438
2	Bản Há Mùa Lừ	471,22	471,220	250.965.646	188.488.000	62.477.646
<b>II</b>	<b>Lưu vực Trung Thu</b>	<b>62,44</b>	<b>62,440</b>	<b>14.865.965</b>		<b>14.865.965</b>
1	Bản Sá Ninh (Sá Ninh cũ)	62,44	62,440	14.865.965		14.865.965
<b>B</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>588,39</b>	<b>588,390</b>	<b>401.039.845</b>		<b>401.039.845</b>
<b>I</b>	<b>Lưu vực Sông Đà</b>	<b>588,39</b>	<b>588,390</b>	<b>397.110.295</b>		<b>397.110.295</b>
1	Bản Sá Ninh (Háng Lia + Sá Ninh cũ)	117,70	117,700	79.436.907		79.436.907
2	Bản Há Mùa Lừ	470,69	470,690	317.673.388		317.673.388
<b>II</b>	<b>Lưu vực Trung Thu</b>	<b>61,64</b>	<b>61,640</b>	<b>3.929.550</b>		<b>3.929.550</b>
1	Bản Sá Ninh (Sá Ninh cũ)	61,64	61,640	3.929.550		3.929.550
<b>Tổng cộng</b>				<b>730.307.894</b>		<b>541.819.894</b>

*Handwritten signature*